TỰ LUYỆN NGOẠI NGỮ VỚI AI TẠO SINH: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ CHỦ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

NGÔ HOÀNG THU THỦY
Khoa Tiếng Trung Quốc,
Trường Đại học Ngoại thương

Nhận bài ngày 10/9/2026. Sửa chữa xong 10/10/2026. Duyệt đăng 21/10/2026.

Abstract

Generative AI offers additional opportunities for foreign language self-practice while requiring students to select and use assistance actively. This conceptual article combines a narrative literature review with teaching experience and an analysis of course outlines to propose four dimensions of learner autonomy: goal setting, selecting and adjusting assistance, evaluating feedback, and self-assessment with explanations of learning decisions. Three situations—travel advice, job interviews, and preparation for interviews with working professionals—illustrate how self-practice can be linked to direct communication. The examples are presented in Vietnamese for teachers to adapt to different target languages and proficiency levels. The proposals are theoretical and pedagogical and have not been tested using survey or intervention data.

Keywords: *Learner autonomy, generative AI, university students, foreign language learning, self-regulated learning.*

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ việc học ngoại ngữ ngoài giờ thông qua gợi ý nội dung và tương tác mô phỏng. Kohnke et al. (2023) phân tích khả năng hỗ trợ, những hạn chế của ChatGPT và yêu cầu về năng lực số để sử dụng công cụ trong dạy học ngôn ngữ. Tuy nhiên, một câu trả lời hoàn chỉnh do công cụ đưa ra chưa cho biết sinh viên (SV) hiểu đến đâu, có giải thích được vì sao chọn cách nói ấy hay có tự làm lại được một nhiệm vụ tương tự không. Vấn đề là tổ chức việc học thế nào để người học vẫn chủ động xác định mục tiêu, lựa chọn cách học và đánh giá kết quả của mình.

AI tạo sinh (Generative AI) là nhóm công nghệ AI tạo ra nội dung theo yêu cầu như văn bản hay lời đáp trong một cuộc trao đổi. Hướng dẫn của UNESCO đề cao cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm khi dùng công nghệ này (Miao & Holmes, 2023). Trong dạy ngoại ngữ ở bậc đại học, điều đó buộc ta xét song song khả năng hỗ trợ của AI và trách nhiệm học tập của SV. Chọn công cụ nào cũng là chọn cách học, không chỉ là chọn phương tiện làm ra sản phẩm.

Ở các học phần nói tại Trường Đại học Ngoại thương, tác giả thường giao cho SV luyện thêm ở nhà với ChatGPT, Claude, Gemini hoặc công cụ AI nào các em quen dùng và thấy hợp với nhiệm vụ. Điều kiện là nội dung luyện phải bám bài giảng, đúng mục tiêu và vừa sức người học. Lý do khá đơn giản: thời gian để mỗi SV được nói trên lớp có hạn, trong khi các em cần tiếp tục luyện diễn đạt sau giờ học. Kinh nghiệm này hình thành từ việc dạy Tiếng Trung nhưng câu hỏi nó đặt ra rộng hơn nhiều: làm sao để người học tận dụng được sự hỗ trợ mà vẫn chủ động và chịu trách nhiệm về việc học của mình?

Bài viết tập trung vào năng lực tự chủ của SV khi học ngoại ngữ với AI tạo sinh. Các nguyên tắc được bàn ở mức tổ chức việc học, còn luyện nói là mạch minh họa chính vì kỹ năng này buộc người học tự diễn đạt và nối tiếp lời người đối thoại. Cách đặt mục tiêu, chọn lọc phản hồi và tự đánh giá cũng có

Email: thuynht@ftu.edu.vn

thể điều chỉnh cho đọc, nghe, viết. Dù vậy, mỗi kỹ năng, mỗi ngoại ngữ và mỗi nhóm người học đều có nét riêng nên khó có một cách tổ chức phù hợp với mọi bối cảnh.

Về phương pháp, bài viết tổng hợp một số công trình về tự chủ học tập, tự điều chỉnh học tập, tiếp nhận phản hồi và AI trong giáo dục, đồng thời đối chiếu hai đề cương học phần nói (Bộ môn Thực hành tiếng, Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương, 2025a, 2025b). Đề cương cung cấp bối cảnh về nội dung và yêu cầu học phần; kinh nghiệm giao bài tự luyện của tác giả là cơ sở để xây dựng các tình huống minh họa. Những tình huống này không đại diện cho toàn bộ chương trình đào tạo ngoại ngữ và cần điều chỉnh khi áp dụng ở bối cảnh khác. Đây là nghiên cứu lý luận kết hợp tổng quan tường thuật, không báo cáo dữ liệu khảo sát hay kết quả can thiệp; các câu lệnh và cách tổ chức trình bày dưới đây là đề xuất thiết kế, không phải bản ghi tương tác thực tế của SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực tự chủ học tập và yêu cầu khi có AI hỗ trợ

Little (2022) xem tự chủ trong học ngoại ngữ là quá trình người học lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá việc học, đồng thời sử dụng ngôn ngữ đích trong hoạt động cá nhân và hợp tác. Trong bài viết này, năng lực tự chủ học tập được hiểu là khả năng của SV đưa ra và chịu trách nhiệm về những quyết định học tập phù hợp với mục tiêu, điều kiện và yêu cầu môn học: cần học gì, nhờ nguồn hỗ trợ nào, làm nhiệm vụ ra sao, xem lại kết quả thế nào. Tự chủ không có nghĩa là học một mình. SV vẫn trao đổi với giảng viên (GV), bạn học và sử dụng các nguồn học liệu.

Tự chủ gần với tự điều chỉnh học tập nhưng không đồng nhất với nó. Tự chủ nhấn mạnh quyền lựa chọn và trách nhiệm của người học; tự điều chỉnh giải thích cách người học đặt mục tiêu, theo dõi hoạt động của mình và đổi chiến lược khi cần. Tổng quan của Panadero (2017) cho thấy các mô hình tự điều chỉnh bao quát nhiều mặt của quá trình học, từ nhận thức, siêu nhận thức đến động cơ và cảm xúc. Bài viết mượn góc nhìn quá trình này để xem các quyết định của SV khi học với AI, không nhằm đưa ra định nghĩa thay thế cho cả lĩnh vực nghiên cứu về tự chủ.

Thử hình dung việc luyện nói. SV có thể trò chuyện với công cụ rất lâu mà vẫn không rõ mình cần cải thiện điều gì. Em muốn luyện phản xạ hỏi đáp thì nhận về một bài nói mẫu dài; em muốn diễn đạt bằng vốn từ đã học thì được gợi ý những câu vượt quá khả năng sử dụng. Bởi vậy, dùng AI thường xuyên chưa nói lên điều gì về năng lực tự chủ. Cần xem người học có chọn đúng hình thức hỗ trợ không và có nhận ra lúc nào sự hỗ trợ đang kéo mình lệch mục tiêu không.

Tiếp nhận phản hồi là một khía cạnh nữa. Carless và Boud (2018) cho rằng năng lực phản hồi của SV gồm hiểu giá trị của phản hồi, đưa ra nhận định, điều tiết cảm xúc và hành động để cải thiện việc học. Khung này bàn về phản hồi trong giáo dục nói chung, không bảo đảm độ tin cậy của phản hồi do AI tạo ra. Vì vậy, khi đặt vào bối cảnh có AI, bài viết thêm một yêu cầu: SV cần kiểm tra cơ sở của lời góp ý rồi mới quyết định sửa, giữ nguyên hay hỏi GV.

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với quá trình học

Vấn đề đầu tiên là khoảng cách giữa hoàn thành sản phẩm khi có hỗ trợ và tự làm được khi không còn hỗ trợ. Bastani et al. (2025), trong một nghiên cứu thực nghiệm ở môn Toán trung học ghi nhận kết quả khi có công cụ và khi rút công cụ có thể khác nhau và cách thiết kế hỗ trợ ảnh hưởng đến việc học. Kết quả ấy không suy rộng thẳng sang SV đại học hay việc học ngoại ngữ nhưng gợi ra một câu hỏi đáng thử: giảm hỗ trợ rồi SV còn làm được nhiệm vụ hay không?. Thứ hai, việc luyện tập dễ trượt thành đi xin đáp án. Nếu SV nhờ AI viết trọn bài nói sau đó học thuộc, các khâu chọn ý, dựng câu và xử lý câu hỏi của người đối thoại có thể chưa được rèn tương xứng. Với bài giao tiếp, văn bản hoàn chỉnh chỉ nên là tài liệu tham khảo; muốn phát triển khẩu ngữ, người học phải tự diễn đạt và nối tiếp lời đối tác. Vì thế, khi giao nhiệm vụ, GV nên nói rõ mục đích này thay vì chỉ đòi một bài nộp trôi chảy. Thứ ba, giới hạn của phản hồi khó nhận ra. Một gợi ý ngữ pháp có thể đúng mà vẫn chưa hợp với khẩu ngữ hay tình huống giao tiếp. Nếu công cụ chỉ nhận văn bản, nhận xét của nó về câu

chữ không thay được việc nghe trực tiếp để đánh giá phát âm, ngữ điệu và độ trôi chảy. Ngay cả khi có âm thanh vẫn cần phân biệt lời SV thật sự nói với phần công cụ nhận dạng được, vì bản chép sai sẽ dẫn tới góp ý sai. Phát âm, mức độ lịch sự và quy ước diễn đạt lại khác nhau giữa các ngoại ngữ nên SV cần biết AI đã nhận loại dữ liệu nào và đối chiếu nhận xét của nó với yêu cầu của ngôn ngữ đang học. Thứ tư, điều kiện tiếp cận không đồng đều. Không phải SV nào cũng có cùng tính năng, thiết bị hay khả năng dùng bản trả phí. Quyền chọn công cụ chỉ có nghĩa khi yêu cầu học tập không phụ thuộc vào một tính năng mà một bộ phận của lớp không có. GV nên thống nhất mục tiêu và yêu cầu tối thiểu về sản phẩm nộp, đồng thời có phương án dự phòng như luyện theo cặp hoặc dùng học liệu sẵn có, khi công cụ không đáp ứng được.

2.3. Bốn phương diện đề xuất của năng lực tự chủ khi học với AI

Từ những điều trên, bài viết đề xuất bốn phương diện để thiết kế nhiệm vụ và nhận xét quá trình học. Đây là cách cụ thể hóa phục vụ thực hành sư phạm, chưa phải thang đo hay mô hình đã kiểm định. Bốn phương diện tác động qua lại: gặp khó khăn mới, người học có thể quay lại điều chỉnh mục tiêu.

2.3.1. Xác định mục tiêu học tập cụ thể

Trước hết, SV cần nói được mình muốn cải thiện điều gì và trong phạm vi nội dung nào. Với nhiệm vụ nói, mục tiêu có thể là trả lời rõ một câu hỏi, nối hai ý bằng cấu trúc đã học hoặc hỏi tiếp dựa vào lời đối tác. Với đọc hiểu, đó có thể là tự tìm ý chính trước khi xem gợi ý; với viết, là sửa cách liên kết hai đoạn và giải thích vì sao sửa. Mục tiêu càng gắn với điều quan sát được thì càng dễ chọn hỗ trợ phù hợp. Một yêu cầu kiểu "giúp tôi học ngoại ngữ tốt hơn" cần được chuyển thành nhiệm vụ cụ thể.

Người học cũng cần nhìn đúng trình độ thực của mình. Thông tin về cấp độ giúp đặt độ khó ban đầu nhưng chưa bảo đảm mọi lời đáp của công cụ đều vừa sức. SV nên mô tả thêm vốn từ, cấu trúc đang học, độ dài câu trả lời dự kiến và phần mình còn yếu. Gặp câu hỏi quá khó mà biết chủ động đề nghị diễn đạt lại hay giảm độ phức tạp là một biểu hiện tốt.

2.3.2. Lựa chọn và điều chỉnh mức hỗ trợ

Tùy mục tiêu, SV có thể dùng AI làm người đối thoại, người đặt câu hỏi hoặc nguồn góp ý. Khi luyện phản xạ, có thể yêu cầu mỗi lần chỉ hỏi một câu và chờ trả lời; khi luyện trình bày, có thể tự nói trước rồi nhờ công cụ chỉ ra một chỗ chưa rõ. Người học cũng có quyền bảo công cụ ngừng đưa bài mẫu, giới hạn số lỗi được góp ý hoặc chuyển sang câu hỏi khác.

Ngay từ lúc giao bài, giảng viên (GV) có thể giúp SV phân biệt phần tự làm với phần được hỗ trợ: SV tự chọn ý, tự trả lời và tự quyết định bản sửa; AI gợi mở, đặt câu hỏi hoặc đề xuất cách diễn đạt. Ranh giới này nên linh hoạt theo từng nhiệm vụ và được giải thích rõ để việc dùng công cụ không thành một quy trình cứng nhắc áp cho mọi người học.

2.3.3. Thẩm định phản hồi và đưa ra lựa chọn có căn cứ

Sinh viên cần đối chiếu góp ý của AI với mục tiêu, giáo trình, điều GV đã hướng dẫn và bối cảnh giao tiếp. Không phải đề xuất nào làm câu dài hơn hay dùng từ khó hơn cũng có ích. Nếu một cách nói đơn giản đã rõ nghĩa và hợp tình huống, người học hoàn toàn có thể giữ lại thay vì chuyển sang một cấu trúc mình chưa hiểu. Chưa chắc thì ghi câu hỏi lại để hỏi GV. Điều đáng để ý là SV có giải thích được vì sao mình sửa hoặc không sửa. Lời giải thích có thể rất ngắn: câu mới rõ chủ thể hơn, từ mới chưa hợp với đối tượng giao tiếp, thông tin gợi ý chưa có nguồn. Quan trọng là lý do của quyết định, không phải số lần em đồng ý hay phản đối công cụ. Với thông tin thực tế về doanh nghiệp, địa điểm hay dự án xã hội, câu trả lời của AI cần được kiểm tra bằng nguồn phù hợp trước khi đưa vào bài nói.

2.3.4. Tự đánh giá và giải thích quá trình học

Sau khi nhận hỗ trợ, SV cần làm lại nhiệm vụ bằng khả năng của mình và so với mục tiêu ban đầu. Một câu hỏi mới cùng chủ đề, một đoạn đọc tương đương hay một đề viết thay đổi đôi chút sẽ cho người học thấy điều gì đã dùng được, điều gì vẫn còn dựa vào gợi ý. Tự đánh giá nên xuất phát từ phần thực hiện thật, không chỉ từ điểm số hay lời khen của AI.

Minh chứng có thể gồm mục tiêu luyện tập, một đoạn trước và sau khi điều chỉnh, kèm ghi chú ngắn về chỗ đã sửa và việc cần làm tiếp. Không nhất thiết phải thu toàn bộ lịch sử trò chuyện. SV cũng nên nêu mình đã dùng AI ở khâu nào, theo yêu cầu của học phần. Làm vậy GV hiểu được quá trình học, còn SV ý thức rõ hơn về trách nhiệm với sản phẩm của mình.

2.4. Minh họa tổ chức tự luyện ngoại ngữ với AI tạo sinh

Các đề cương học phần nói cung cấp bối cảnh về nội dung, hoạt động thực hành và yêu cầu đánh giá (Bộ môn Thực hành tiếng, Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương, 2025a, 2025b). Từ bối cảnh đó và kinh nghiệm giao bài, tác giả xây dựng ba tình huống tự luyện: tư vấn du lịch, phỏng vấn tuyển dụng và chuẩn bị phỏng vấn người sử dụng ngoại ngữ trong công việc. Các tình huống được diễn giải bằng tiếng Việt để GV dễ tham khảo và điều chỉnh. Khi triển khai, SV cần xác định rõ ngoại ngữ đang học và thực hành bằng chính ngoại ngữ đó; tiếng Việt ở đây chỉ là ngôn ngữ trình bày bài viết.

Giảng viên chọn từ vựng, cấu trúc, độ dài phát ngôn và mức phức tạp theo nội dung học phần. Với người mới học, có thể giới hạn ở một lượt hỏi đáp ngắn có từ khóa gợi ý; với người học khá hơn, có thể yêu cầu giải thích lựa chọn hoặc xử lý câu hỏi tiếp nối. Chỉ nêu tên một cấp độ rồi mặc định AI hiểu đúng khả năng người học thì chưa đủ. Các ví dụ dưới đây minh họa cách thiết kế hoạt động; chúng không phải bằng chứng về hiệu quả và không thay thế yêu cầu chính thức của từng học phần.

2.4.1. Tự luyện tư vấn du lịch theo yêu cầu của khách

Ở chủ đề du lịch hoặc giới thiệu địa phương, SV có thể đóng vai người tư vấn cho một du khách lần đầu đến Việt Nam. Nhiệm vụ là hỏi rõ nhu cầu của khách sau đó giải thích một gợi ý phù hợp bằng ngoại ngữ đang học trong khoảng hai đến ba phút. Trước khi dùng AI, SV ghi từ khóa về địa điểm, thời gian, sở thích của khách và tự thử nói phần mở đầu. Với lớp chưa học nội dung chuyên ngành, tình huống có thể đơn giản thành hướng dẫn một người bạn quốc tế đi tham quan thành phố.

Một yêu cầu luyện tập có thể viết như sau: "Hãy đóng vai du khách lần đầu đến Việt Nam và trao đổi với tôi bằng ngoại ngữ đang học. Tôi đang học chủ đề giới thiệu địa điểm nên hãy dùng các từ và mẫu câu tôi liệt kê bên dưới. Mỗi lần chỉ hỏi một câu, đợi tôi trả lời rồi mới hỏi tiếp và đừng viết sẵn câu trả lời cho tôi. Hết buổi, chỉ ra hai cách diễn đạt của tôi có thể khiến người nghe khó hiểu và giải thích ngắn gọn". SV thay phần trong ngoặc vuông và bổ sung vốn từ, cấu trúc đã học. Khi phù hợp, GV có thể hướng dẫn các em viết yêu cầu tương đương bằng chính ngoại ngữ đang học.

Lượt đầu, AI có thể hỏi về điểm đến hoặc phương tiện di chuyển. Sang lượt sau, SV đề nghị thêm một điều kiện, chẳng hạn khách đi cùng người lớn tuổi, sau tự chỉnh lời tư vấn cho hợp. Nếu công cụ gợi ý một câu quá khó, SV yêu cầu cách nói đơn giản hơn và tự diễn đạt lại. Thông tin về giá, giờ mở cửa hay điều kiện tham quan cần đối chiếu với nguồn hiện hành để tập trung vào biểu đạt, buổi luyện có thể dùng phiếu dữ kiện giả định do GV cung cấp.

Kết thúc buổi luyện, SV chọn một góp ý hữu ích, giải thích vì sao áp dụng, sau đó ghi âm phần trả lời bằng lời của mình, không đọc bài công cụ đã viết sẵn. Khi trở lại lớp, GV hoặc bạn học đặt một câu hỏi tương tự nhưng đổi nhu cầu của khách. Cách nối này cho phép xem SV có chuyển được nội dung đã luyện sang một lượt giao tiếp mới hay không; tự nó chưa chứng minh được hiệu quả của AI.

2.4.2. Luyện phản xạ trong tình huống phỏng vấn tuyển dụng

Với chủ đề giới thiệu bản thân, trải nghiệm học tập hoặc định hướng nghề nghiệp, SV có thể tự luyện một phần cuộc phỏng vấn tuyển dụng bằng ngoại ngữ. Mục tiêu nên cụ thể, chẳng hạn kể một trải nghiệm làm việc nhóm và trả lời một câu hỏi tiếp nối. Người học chưa đi làm có thể dùng trải nghiệm từ bài tập nhóm, câu lạc bộ hoặc hoạt động tình nguyện; không cần dựng một hồ sơ vượt quá thực tế của mình.

Yêu cầu có thể viết: "Hãy đóng vai nhà tuyển dụng. Hãy hỏi tôi bằng ngoại ngữ đang học về một lần tôi làm việc nhóm. Dựa vào câu trả lời của tôi để hỏi tiếp, mỗi lượt một câu, chưa đưa đáp án mẫu. Tôi sẽ cung cấp phạm vi từ vựng và cấu trúc đã học; nếu câu hỏi quá khó, tôi sẽ đề nghị diễn đạt lại. Cuối

cùng, chỉ ra một chỗ nội dung tôi nói chưa rõ". Ở nhiệm vụ này, SV tự chọn trải nghiệm có thật và tự tổ chức câu trả lời, không để công cụ thêm kỹ năng, thành tích hay kinh nghiệm mình chưa có.

Sau một lượt hỏi đáp, người học xem mình vướng vì thiếu ý hay thiếu phương tiện diễn đạt. Thiếu ý thì sắp xếp lại bối cảnh, việc đã làm và kết quả; thiếu từ thì xin gợi ý một cụm rồi thử dùng trong câu khác. Sau đó chọn một điểm để luyện lại với câu hỏi mới. Dùng đúng một câu được gợi ý chưa đủ để nói là đã làm chủ cấu trúc; cần thêm cơ hội dùng nó trong ngữ cảnh khác.

Trên lớp, bạn học đóng vai nhà tuyển dụng có thể hỏi tiếp theo hướng SV chưa chuẩn bị. GV nhận xét mức độ phù hợp của nội dung, cách nối tiếp câu hỏi và khả năng giải thích bằng ngoại ngữ đang học. Phần tự luyện giúp hiểu quá trình học; còn nhận xét về năng lực giao tiếp vẫn phải dựa vào phần thể hiện trực tiếp. SV biết xin giải thích lại câu hỏi và tự xử lý chỗ chưa hiểu là điểm nên được ghi nhận.

2.4.3. Chuẩn bị phỏng vấn người sử dụng ngoại ngữ trong công việc

Với người học đã giao tiếp tương đối độc lập, GV có thể giao nhiệm vụ phỏng vấn một người dùng ngoại ngữ trong công việc, chẳng hạn nhân viên du lịch, cựu SV hoặc người làm trong môi trường quốc tế. SV tìm hiểu họ dùng ngoại ngữ ra sao và có kinh nghiệm học tập nào đáng chia sẻ. Nhiệm vụ cần phù hợp với khả năng liên hệ, trình độ của SV và được người tham gia đồng ý. AI giúp chuẩn bị câu hỏi, luyện lời mở đầu và thử cách hỏi tiếp nhưng không thay được cuộc phỏng vấn thật khi bài tập đòi hỏi gặp người thật.

Sinh viên tự xác định mục đích và soạn các câu hỏi ban đầu, sau đó gửi yêu cầu: "Đây là các câu hỏi phỏng vấn tôi viết bằng ngoại ngữ đang học. Hãy xem các câu hỏi này đã rõ ràng, lịch sự và phù hợp để phỏng vấn một người sử dụng ngoại ngữ trong công việc hay chưa. Chỉ ra câu nào trùng lặp hoặc quá rộng, gợi ý cách chỉnh và nói lý do. Đừng tự thêm trải nghiệm hay câu trả lời của người được phỏng vấn." Người học đối chiếu góp ý với yêu cầu bài tập, chọn cách chỉnh và giải thích quyết định của mình. Nếu dùng câu trả lời giả định để tập hỏi tiếp, cần ghi rõ đó là mô phỏng và không đưa vào báo cáo như dữ liệu phỏng vấn thật.

Trước khi trao đổi với công cụ, SV bỏ tên, số điện thoại và thông tin riêng không cần thiết của người được phỏng vấn; nếu ghi hình thực tế thì phải thống nhất trước với người tham gia. Với câu hỏi về thị trường hay hoạt động doanh nghiệp, SV cần tìm hiểu trước từ nguồn phù hợp, không chỉ dựa vào nội dung AI tạo ra. Sau buổi phỏng vấn, bản tự đánh giá có thể nêu một câu hỏi đã điều chỉnh, một tình huống thực tế khác dự kiến và cách bản thân xử lý. Qua tình huống này, SV thấy rõ khác biệt giữa khâu chuẩn bị và thông tin thu được, nhận ra giới hạn của mô phỏng và học cách giao tiếp với người thật. Nếu người học chưa đủ khả năng phỏng vấn, GV có thể thay bằng một cuộc trao đổi ngắn theo chủ đề với bạn học, kèm mục tiêu và tiêu chí điều chỉnh tương ứng. Các nguyên tắc chọn hỗ trợ, kiểm chứng và tự đánh giá cũng dùng được khi SV giới thiệu văn hóa địa phương, bàn về một vấn đề xã hội hoặc thuyết trình nhóm bằng ngoại ngữ.

2.5. Định hướng sư phạm để phát triển năng lực tự chủ học tập

2.5.1. Gắn quyền lựa chọn công cụ với yêu cầu học tập rõ ràng

Giảng viên xác định nội dung, mức độ khó và điều cần đạt còn SV chọn công cụ theo điều kiện tiếp cận của mình. Yêu cầu bài tập nên nêu rõ phần phải tự làm, hình thức hỗ trợ AI được phép và sản phẩm cần nộp. Có tài khoản trả phí hay dùng được nhiều tính năng không nên là tiêu chí đánh giá. Với SV khó dùng AI, luyện theo cặp hoặc tự ghi âm với câu hỏi của GV vẫn cần được công nhận theo cùng mục tiêu.

Khi hướng dẫn viết câu lệnh nên bắt đầu từ cách xác định nhiệm vụ, đừng dừng ở việc đưa một mẫu để sao chép. GV có thể hỏi SV vì sao cần công cụ hỏi từng câu một, vì sao muốn giới hạn từ vựng, lúc nào cần phản hồi. Khi người học tự giải thích được cách mình thiết kế buổi luyện, câu lệnh trở thành công cụ tổ chức việc học thay vì một lời nhờ lấy đáp án.

2.5.2. Duy trì phần tự thực hiện trước và sau khi nhận hỗ trợ

Một tiến trình gọn gồm ba bước: tự thử nhiệm vụ, luyện cùng AI theo mục tiêu rõ ràng, sau đó làm lại khi đã giảm hỗ trợ. Bước tự thử giúp SV thấy mình vướng ở đâu; bước tương tác tập trung giải quyết một vài khó khăn; bước làm lại là cơ sở để tự đánh giá. Có thể lặp lại khi cần nhưng không nhất thiết mọi nhiệm vụ đều có cùng số lượt hay thời lượng.

Với môn Nói phải bảo đảm SV thật sự nói. Nếu công cụ có chế độ âm thanh phù hợp, SV có thể luyện trực tiếp; nếu chỉ có văn bản nên dùng nội dung trao đổi để chuẩn bị rồi tự ghi âm hoặc luyện với bạn học. Một cuộc trò chuyện bằng văn bản chưa đủ làm minh chứng cho khẩu ngữ. GV cũng không nên lấy nhận xét phát âm của một công cụ chưa nghe được âm thanh làm căn cứ duy nhất.

2.5.3. Hướng dẫn chọn lọc phản hồi và giảm dần sự phụ thuộc vào gợi ý

Mỗi lượt chỉ nên giới hạn ở một hoặc hai điểm cần sửa để SV có thời gian hiểu và luyện lại. Người học cần phân biệt ba loại góp ý: lỗi cản trở việc hiểu nghĩa, đề xuất làm câu tự nhiên hơn và thông tin thực tế cần kiểm chứng. Không hiểu lý do sửa thì hỏi lại hoặc mang câu hỏi đến GV. Một bản sửa ngắn có giải thích thường cho thấy rõ hơn em đã học được gì so với nhiều trang hội thoại mà không chỉ ra được điều đó.

Giảng viên có thể định kỳ dành thời gian bàn về những góp ý còn gây băn khoăn, dùng ví dụ đã ẩn danh và được SV đồng ý. Khi SV tự tìm được lỗi, mức hỗ trợ có thể chuyển từ đưa sẵn cách nói sang gợi câu hỏi để người học tự sửa. Việc giảm hỗ trợ nên dựa vào biểu hiện thực hiện, không dựa vào số tuần đã học hay số lần dùng công cụ.

2.5.4. Kết nối minh chứng quá trình với việc thể hiện năng lực cá nhân

Tài liệu do TEQSA đặt hàng (Lodge et al., 2026) đề cập đến việc phát triển năng lực thích ứng và coi trọng minh chứng quá trình học trong môi trường có AI. Đây là nguồn tham khảo từ giáo dục đại học Australia, không phải quy định áp dụng cho các cơ sở đào tạo ở Việt Nam. Từ góc nhìn đó, bài viết đề xuất kết hợp sản phẩm tự luyện với phần trả lời trực tiếp, một tình huống biến đổi và tự nhận xét của SV, tùy điều kiện từng lớp.

Một phiếu ghi ngắn có thể gồm mục tiêu, cách dùng hỗ trợ, một góp ý đã kiểm tra và điều cần luyện tiếp. Với bài nhóm cần thêm phần thể hiện riêng của từng thành viên. GV không chấm điểm theo độ dài cuộc trò chuyện, số lượt tương tác hay điểm số do AI tự đưa ra. Chỉ thu minh chứng ở mức cần thiết để không tăng thêm khối lượng việc và không thu thập thông tin riêng ngoài mục tiêu học tập.

2.5.5. Tạo điều kiện triển khai ở cấp học phần và cơ sở đào tạo

Tổ chuyên môn có thể thống nhất một số nhiệm vụ mẫu, tiêu chí nhận xét và cách giải thích phạm vi được dùng AI. GV cũng cần có dịp trao đổi về những phản hồi chưa phù hợp, cách kiểm tra mức hiểu của SV và cách tổ chức nhiệm vụ có phần tự chọn. Hướng dẫn chung nên chừa khoảng điều chỉnh theo môn học, trình độ và khả năng tiếp cận, đừng mặc định một ứng dụng hợp với mọi nội dung.

Trước khi mở rộng, có thể thử ở một chủ đề, ghi lại khó khăn về hướng dẫn, thời gian và việc tự đánh giá. Những quan sát này phục vụ việc điều chỉnh thiết kế; muốn nghiên cứu hiệu quả thì cần tiêu chí, dữ liệu và quy trình phù hợp. Tách cải tiến hoạt động thường xuyên khỏi kết luận nghiên cứu sẽ tránh được việc biến vài sản phẩm tốt thành khẳng định chung về tác động của AI.

3. Kết luận

Như vậy, muốn phát triển năng lực tự chủ học tập trong bối cảnh có AI tạo sinh cần nhìn vào những quyết định của SV trước, trong và sau khi nhận hỗ trợ. Bài viết cụ thể hóa điều đó qua bốn phương diện: xác định mục tiêu; lựa chọn và điều chỉnh hỗ trợ; thẩm định phản hồi; tự đánh giá và giải thích quá trình học. Bốn phương diện này là khung tham khảo để thiết kế và trao đổi sư phạm, chưa phải công cụ đo lường đã được xác nhận. Các tình huống tự luyện, trình bày bằng tiếng Việt, gợi ý cách nối yêu cầu trên lớp với hoạt động ngoài giờ sau quay lại giao tiếp trực tiếp. Khi áp dụng, GV cần điều chỉnh ngoại ngữ thực hành, độ khó và hình thức hỗ trợ theo từng học phần. SV được tự chọn công cụ nhưng vẫn phải

tự diễn đạt, kiểm chứng góp ý và làm nhiệm vụ thật khi bài tập yêu cầu. GV định hướng mục tiêu, hỗ trợ đúng chỗ khó và nhận xét khả năng thể hiện của từng người. Vì không có dữ liệu can thiệp, bài viết chưa thể kết luận về mức cải thiện năng lực tự chủ hay năng lực ngoại ngữ. Các gợi ý được xây dựng từ kinh nghiệm giảng dạy và phân tích tài liệu, lấy luyện nói làm trọng tâm minh họa. Những nghiên cứu tiếp theo có thể xem xét cách SV đặt mục tiêu, chọn lọc phản hồi và thực hiện nhiệm vụ khi giảm hỗ trợ ở từng ngoại ngữ và kỹ năng; đối chiếu tự nhận xét, sản phẩm qua các lượt luyện và phần thể hiện trực tiếp sẽ cho biết các định hướng này có khả thi hay không.

Tài liệu tham khảo

Bastani, H., Bastani, O., Sungu, A., Ge, H., Kabakcı, Ö., & Mariman, R. (2025). Generative AI without guardrails can harm learning: Evidence from high school mathematics. *Proceedings of the National Academy of Sciences, 122*(26), Article e2422633122. https://doi.org/10.1073/pnas.2422633122.

Bộ môn Thực hành tiếng, Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương. (2025a). *Đề cương chi tiết học phần Nói, chương trình chất lượng cao, mã TTRH225* (Tài liệu nội bộ).

Bộ môn Thực hành tiếng, Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương. (2025b). *Đề cương chi tiết học phần Nói 1, mã TTR213* (Tài liệu nội bộ).

Carless, D., & Boud, D. (2018). The development of student feedback literacy: Enabling uptake of feedback. *Assessment & Evaluation in Higher Education, 43*(8), 1315-1325. https://doi.org/10.1080/02602938.2018.1463354.

Kohnke, L., Moorhouse, B. L., & Zou, D. (2023). ChatGPT for language teaching and learning. *RELC Journal, 54*(2), 537-550. https://doi.org/10.1177/00336882231162868.

Little, D. (2022). Language learner autonomy: Rethinking language teaching. *Language Teaching, 55*(1), 64–73. https://doi.org/10.1017/S0261444820000488.

Lodge, J. M., de Barba, P., Ainscough, L., Brazil, J. R., Broadbent, J., Ebbert, D., Frankland, S., Gabriel, F., Gašević, D., Hennicke, T., Lim, L.-A., Male, S. A., Mirriahi, N., Oliveira, E. A., Pacitti, H., Raković, M., Russell, J., Taylor-Griffiths, D., & Yang, S. (2026). *Assuring quality learning in a gen AI-integrated future: The role of adaptive capabilities*. Tertiary Education Quality and Standards Agency. https://www.teqsa.gov.au/sites/default/files/2026-06/assuring-quality-learning-in-a-gen-AI-integrated-future.pdf.

Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. https://doi.org/10.54675/EWZM9535.

Panadero, E. (2017). A review of self-regulated learning: Six models and four directions for research. *Frontiers in Psychology, 8*, Article 422. https://doi.org/10.3389/fpsyg.2017.00422.